

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thu

Ông Phan Quý Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:

Ông Trương Quang Thu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Mộng Tường A - sinh năm 1976 tại Khánh Hòa; trú tại: Tổ 9, thôn A1, xã A2, thành phố A3, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc A4 và bà Nguyễn Thị Minh A5; chồng: Lương Ngọc A6; có 01 con sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/01/2018 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa: Luật sư **Lê Văn B**, Văn phòng Luật sư Lê Văn B và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, bào chữa theo yêu cầu của bị cáo. Có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ C.

Địa chỉ: số 01 (lô BT3B) đường C1, phường C2, thành phố A3, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH thương mại và dịch vụ C: Ông **Nguyễn Mạnh D** – Sinh năm 1966. Trú tại: M2/12 Khu phố 5, phường D1, thành phố D2, tỉnh D3. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Mộng Tường A được nhận vào làm việc tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ C (Công ty C) từ tháng 9/2014 và được bổ nhiệm chức vụ Kế toán tổng hợp kiêm thủ quỹ của Công ty C theo Quyết định số 01/QĐ/VNQ ngày 21/9/2014 với những chức năng nhiệm vụ được giao: Thực hiện các giao dịch liên quan đến tài khoản ngân hàng; đối chiếu công nợ khách hàng; thu công nợ của khách hàng; kiểm tiền mặt nhân viên thị trường và bán hàng thu về hàng ngày nhập vào quỹ công ty.

Quá trình làm việc tại Công ty C, ông Nguyễn Mạnh D là Giám đốc Công ty C đề nghị Nguyễn Mộng Tường A mở tài khoản cá nhân tại Ngân hàng E – Chi nhánh A3, chỉ dùng để khách hàng mua hàng của Công ty chuyển trả tiền cho Công ty C, sau đó A phải nộp lại số tiền này vào tài khoản của Công ty C mở tại Ngân hàng G – Chi nhánh Khánh Hòa. Trong tháng 12/2016, sau khi nhận được tiền của khách hàng chuyển trả cho Công ty C thông qua tài khoản cá nhân mình, A đã không thực hiện nhiệm vụ nộp toàn bộ số tiền này vào tài khoản của Công ty, mà đã chiếm đoạt tiền của Công ty C với tổng số tiền là 600.000.000 đồng. Tuy nhiên, A vẫn báo cáo cho Giám đốc Công ty số tiền thu và chi khớp với số liệu của Công ty nhằm che giấu hành vi của mình. Đến ngày 25/01/2017, Công ty C tiến hành kiểm đếm tiền mặt tại quỹ Công ty thì phát hiện số tiền bị thất thoát 600.000.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa, Nguyễn Mộng Tường A thừa nhận có chiếm đoạt 600.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSKH-P2 ngày 27/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Mộng Tường A về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại Khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

+ Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và luận tội:

Qua phần thẩm vấn công khai tại phiên tòa, cho thấy hành vi của bị cáo Nguyễn Mộng Tường A đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Như vậy, cáo trạng số 14/CT-VKSKH-P2 ngày 27/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Mộng Tường A về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại Khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy tại phiên tòa bị cáo chưa thật sự thành khẩn, nhưng cũng đã nhận ra sai phạm của bản thân, nên vẫn xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ “*khai báo thành khẩn*”; bị cáo đã

bồi thường 25.000.000 đồng; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo từ 12 đến 13 năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

+ Bị cáo trình bày: Hành vi của bị cáo là sai trái, nhưng việc bị cáo lấy khoản tiền 600.000.000 đồng của Công ty C bị cáo đã xin anh D - Giám đốc Công ty cho bị cáo mượn khoản tiền này, bị cáo sẽ trả dần và anh D đã chấp nhận (hiện giấy nợ này anh D đang giữ). Sau đó, bị cáo lấy số tiền này để mở Công ty riêng của bị cáo. Do Công ty của bị cáo làm ăn bị thua lỗ, chỉ hoạt động được hai tháng thì giải thể, nên bị cáo không có tiền trả cho Công ty C.

+ Luật sư Lê Văn B bào chữa cho bị cáo trình bày:

Tuy không khẳng định hành vi của bị cáo là không phạm tội, nhưng căn cứ để khẳng định bị cáo có tội là có phần mờ nhạt, hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo chưa rõ lắm, thể hiện: Trong quá trình làm việc tại Công ty C bị cáo chiếm đoạt tài sản từ thời điểm nào; do bị cáo báo cáo số liệu tài chính gửi về Công ty nên anh D mới biết; cách thức quản lý Công ty của anh D chưa chặt chẽ; hành vi bị cáo giữ lại tiền để mua đất cát hay mở Công ty, anh D đã biết chứ không phải khi kiểm tra quỹ của Công ty anh D mới biết.

Qua phân tích 3 điều kiện trên, cho thấy hành vi chiếm đoạt của bị cáo là chưa thỏa đáng lắm, chưa đáp ứng dấu hiệu của tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Mặc dù, bị cáo có sai nhưng ý thức chiếm đoạt tiền của bị cáo có hay không đề nghị Tòa làm rõ. Trong trường hợp này bị cáo bị truy tố là do bị cáo không có điều kiện để trả tiền, nếu bị cáo trả được tiền thì bị hại đã không tố cáo.

Nếu bị cáo có tội, thì mức hình phạt đối với bị cáo như Viện kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc, vì bị cáo cũng đã khai nhận là mình sai nên đã khắc phục một phần hậu quả. Vì vậy, đề nghị Tòa xem xét xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt quy định.

+ Đại diện của Công ty C anh Nguyễn Mạnh D - Giám đốc Công ty C trình bày: Khi xem báo cáo của chị A gửi về Công ty, anh D thấy số tiền tồn trên quỹ còn trên 700.000.000 đồng nhưng không thấy số tiền này chuyển vào tài khoản của Công ty, nên anh D đã kiểm tra quỹ tiền mặt của Công ty do chị A quản lý vào cuối tháng 12 năm 2016 và tháng 01 năm 2017, thì phát hiện ra sự thiếu hụt số tiền 600.000.000 đồng so với báo cáo tài chính do chị A lập. Khi đó, chị A đã xin anh D cho chị A mượn số tiền này và chị A có đưa cho anh D một tờ giấy ghi nhận nợ của chị A với Công ty, nhưng anh D không chấp nhận và không cầm tờ giấy này.

Bị hại cũng đồng ý với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo, nhưng đề nghị Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mặc dù

bị cáo chưa thật sự khai báo thành khẩn và đề nghị Tòa buộc bị cáo phải trả lại cho Công ty TNHH thương mại và dịch vụ C số tiền còn chiếm đoạt là 575.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*** Về trách nhiệm hình sự:**

[1] Hội đồng xét xử xét thấy: Với nhiệm vụ được giao là kế toán tổng hợp của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ C (viết tắt là Công ty), bị cáo có trách nhiệm phải giao nộp số tiền khách hàng chuyển trả tiền mua hàng của Công ty vào tài khoản của Công ty, đồng thời lập báo cáo tài chính gửi về Công ty. Nhưng khi nhận được tiền của khách hàng chuyển cho Công ty thông qua tài khoản cá nhân của bị cáo, bị cáo đã rút lấy số tiền 600.000.000 đồng của Công ty để sử dụng cho mục đích cá nhân. Tuy nhiên, bị cáo vẫn báo cáo cho Giám đốc Công ty số tiền thu và chi khớp với số liệu của Công ty nhằm che giấu hành vi của mình.

Tại phiên tòa, bị cáo khai số tiền thiếu hụt này bị cáo đã hỏi mượn Công ty và được giám đốc Công ty là anh Nguyễn Mạnh D đồng ý, bị cáo đã viết giấy nhận nợ của Công ty (hiện giấy tờ này do anh D giữ). Tuy nhiên, anh D khẳng định không có sự việc như bị cáo nêu, mà bị cáo chỉ xin Công ty cho mượn sau khi Công ty phát hiện việc bị cáo lấy mất số tiền 600.000.000 đồng của Công ty.

[2] Việc bị cáo trình bày tại phiên tòa như nói trên, không có giấy tờ, tài liệu gì để chứng minh. Tuy nhiên, qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa có cơ sở xác định: Thực chất bị cáo đã lấy 600.000.000 đồng của Công ty, chỉ khi bị anh Nguyễn Mạnh D - Giám đốc Công ty phát hiện thì bị cáo mới xin Công ty cho bị cáo mượn khoản tiền này và xin nhận nợ với Công ty. Ở đây, tội phạm đã hoàn thành từ khi bị cáo chiếm đoạt được số tiền 600.000.000 đồng của Công ty bằng hành vi gian dối là đã không chuyển tiền vào tài khoản của Công ty, nhưng trên báo cáo tài chính gửi về Công ty bị cáo vẫn báo cáo có số tiền 600.000.000 đồng còn tồn trong quỹ của Công ty nhằm che giấu hành vi chiếm đoạt tài sản của mình.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã có đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 là Điều luật có lợi hơn so với Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, để có tiền sử dụng cho mục đích cá nhân, bị cáo đã lợi

dụng sự tín nhiệm của Công ty giao nhiệm vụ là kế toán thu tiền hàng và thủ quỹ giữ tiền, bị cáo đã có hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền rất lớn của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ C. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến quan hệ sở hữu về tài sản của tổ chức kinh tế, mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo suy ngẫm về hành vi phạm tội của mình mà phấn đấu cải tạo tốt, đồng thời ngăn ngừa các hành vi tương tự khác trong xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Tại phiên tòa, quá trình thẩm vấn bị cáo khai báo còn quanh co, thay đổi một số lời khai khác với lời khai tại Cơ quan điều tra. Tuy nhiên, trong phần tranh luận bị cáo cũng đã thừa nhận hành vi sai phạm của bản thân và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình; bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường một phần để khắc phục hậu quả cho bị hại và được bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

**** Về trách nhiệm dân sự:***

Đại diện Công ty TNHH thương mại và dịch vụ C yêu cầu bị cáo trả lại toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của Công ty là 600.000.000 đồng. Bị cáo đã trả cho Công ty 25.000.000 đồng, nên bị cáo phải trả cho Công ty số tiền còn lại là 575.000.000 đồng.

Xét thấy, yêu cầu của bị hại là có căn cứ và đúng pháp luật nên buộc bị cáo phải trả lại 575.000.000 đồng cho Công ty TNHH thương mại và dịch vụ C.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: $20.000.000đ + (175.000.000đ \times 4\%) = 27.000.000$ đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Mộng Tường A** phạm tội ***“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”***.

Áp dụng Khoản 4 Điều 175; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Mộng Tường A;

Áp dụng Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

Áp dụng điểm a, c Khoản 1 Điều 23; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

2. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Mộng Tường A 12 (mười hai) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/01/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn Mộng Tường A phải trả cho Công ty TNHH thương mại và dịch vụ C số tiền 575.000.000 đồng (*năm trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

4. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đ (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo phải chịu 27.000.000đ (*hai mươi bảy triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quy định chung: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) nếu không thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Vụ GDKT I-TANDTC;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HS, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thúy Phụng